

CHIA SẺ ĐƯỜNG ĐẾN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: Giảng giải Đệ Tử Quy

Chủ giảng: Tiến sĩ Thái Lễ Húc

Người chia sẻ: Vô Danh Cư sĩ

Bài thứ 87

Kính chào các bạn đồng học!

Kính chúc các bạn một ngày mới tốt lành!

Hôm qua chúng ta đang chia sẻ nội dung: Chiếu sáng lịch sử của thầy giáo.

Chúng ta đã nghe câu chuyện của nữ Viện sĩ, Tiến sĩ Liên Bang Cộng Hòa Xô Viết Sulaimanova, kể về người thầy đầu tiên của bà - người đã đưa đến cho bà những ước mơ, lý tưởng, hoài bão, đó là hy sinh phụng hiến cho nước Nga Xô Viết. Người đã dạy bà muốn thực hiện được hoài bão này thì phải thành tựu học vấn đức hạnh của mình, cũng đã dìu dắt bà thực hiện được lý tưởng đấy.

Còn bà thì đã chiếu sáng lịch sử của Thầy giáo, chỉ từ 1 cô bé nghèo không thể nghèo hơn, khổ không thể khổ hơn, dốt không thể dốt hơn, 7 đời dòng tộc của bà không biết 1 chữ bẻ đôi. Vậy mà với tâm lòng tri ân thầy 1 cách sâu sắc, bà đã đạt được đỉnh cao nhất trong khoa học của Xô Viết, trở thành Viện sĩ, Tiến sĩ.

*Hôm nay tôi xin chia sẻ tấm gương chiếu sáng lịch sử thầy giáo ở Việt Nam, được lưu danh sử xanh, đó là ai? Đó là: **Những người học trò xuất sắc của Thầy giáo Chu Văn An, là Phạm Sư Mạnh, là Lê Quát.***

Cả hai ông đều được đánh giá là tài cao, đức trọng và có nhiều cống hiến lớn cho nước nhà.

Cổ nhân có câu “Danh sư xuất cao đồ”, có nghĩa là Thầy giỏi thì ắt sẽ có trò hay. Cho nên việc thành tựu của một người mà nói, quan trọng nhất là

phải gặp được thầy giỏi, còn trong pháp xuất thế gian chính gọi là thiện tri thức.

Trong Liễu Phàm Tứ Huấn Đại Ý, Hòa Thượng có giảng, một người muốn thành tựu viên mãn đạo quả thì cần 3 điều kiện:

- ✓ Thứ nhất là phải gặp được thầy giỏi,
- ✓ Thứ hai là phải hiếu học, và
- ✓ Thứ ba là tâm lượng phải lớn.

Ba điều kiện này nếu thiếu đi một, ví dụ nếu như mà thiếu đi gọi thiện hữu tri thức, chính là thầy giỏi bạn hay thầy a, thì cho dù có hiếu học, cho dù có tâm lượng lớn, bạn cũng không thể thành tựu. Vì sao? Vì chẳng có cơ sở. Còn nếu gặp được thiện tri thức, nhưng tâm lượng không lớn, bạn vẫn có thể thành tựu, nhưng mà cái quả vị nhỏ.

Điều này cho thấy rằng thân cận thiện tri thức là tối ư quan trọng. Phật trong Kinh “A Nan vấn Phật sự kiết hung” đoạn thứ nhất là dạy cho chúng ta phải thân cận minh sư. “Minh” tức là thông đạt, hiểu rõ. Đây là vị thầy giỏi, chúng ta phải thân cận họ.

Chính vì vậy cho nên trước hết chúng ta hãy nói về “Danh sư”, tức là nói về thầy giỏi trước, đó là thầy giáo Chu Văn An - người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam, đã tạo nên những anh hùng của thời đại, kế tiếp thời đại như thế nào.

Nếu như ở Trung Quốc, Khổng Tử là nhà sáng lập ra Nho giáo, ông được người đời vinh danh là “Vạn thế sư biểu”, nghĩa là người thầy chuẩn mực của muôn đời. Thì ở Việt Nam, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đánh giá Chu Văn An được coi là ông tổ của các nhà Nho nước Việt Nam. Ông là nhà giáo, là người có công lớn trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng đạo đức Khổng giáo vào Việt Nam. Ông cũng được người đời vinh danh là “Vạn thế sư biểu” của Việt Nam.

1. Cuộc đời và sự nghiệp quan trường

Chu Văn An (ông sinh năm 1292– mất năm 1370): Ông là người làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay chính là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội). Ông tên thật là Chu An, hiệu của ông là Tiểu Ẩn, tên

chữ là Linh Triệt, tên thụy là Văn Trinh. Cho nên đời sau quen gọi ông là Chu Văn An (hay là Chu Văn Trinh) là vậy.

Chu Văn An ngay từ khi còn trẻ đã nổi tiếng là một người cương trực, sửa mình trong sạch, và giữ tiết tháo, không cầu danh lợi. Ông chỉ ở nhà đọc sách. Sau khi ông thi đậu Thái học sinh (tức là tương đương với lại học vị Tiến sĩ đầy ạ), ông không ra làm quan, chỉ ở nhà mở trường dạy học ở làng Huỳnh Cung, bên kia sông Tô Lịch.

Ông học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, “học trò đầy cả cửa, thường có nhiều kẻ đỗ đến đại khoa”. Chính vì danh tiếng của Chu Văn An và trường Huỳnh Cung như vậy nên được cả nước biết tới.

Sau đấy thì ông được vua Trần Minh Tông mời ra để làm chức Tư nghiệp (tức là Hiệu trưởng) của trường Quốc Tử Giám.

[Nghe đến đây thì các bạn đã biết ai là Hiệu trưởng rồi nhé, không có năm nào cũng dắt con đến để sờ đầu cụ rùa, rồi xin đỗ đạt nhưng rồi cuối cùng cũng không biết ai là hiệu trưởng].

Ông trông coi việc học cho cả nước, và có trách nhiệm chính là kèm cặp Thái tử Trần Vượng, tức là đào tạo vua mới cho nước nhà.

Sau khi Trần Vượng lên ngôi (tức là vua Trần Hiến Tông) thì Chu Văn An mới thực sự có thể chuyên tâm vào công việc ở trường Quốc Tử Giám được. Ông cho mở mang trường; viết Tứ Thư Thuyết Uớc - là tóm tắt bốn bộ sách lớn: là Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung, làm giáo trình để dạy học. Kể từ thời Chu Văn An trở về sau, thì Quốc Tử Giám mỗi ngày đều được củng cố và mở rộng.

Trần Hiến Tông lên ngôi chỉ được có 3 năm, sau đó thì Trần Dụ Tông lên ngôi. Dụ Tông thì ham chơi, lại lười chính sự, quyền thần thì nhiều kẻ làm trái phép nước. Chu Văn An liền khuyên can Trần Dụ Tông, nhưng mà Dụ Tông không nghe. Ông bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là “Thất trảm sớ”. Khi ông dâng “Thất trảm sớ” này thì là rất nhiều người kính phục ông, bởi vì cái việc này thì chỉ có gián quan mới được quyền làm. Vậy mà ông dám dâng “Thất trảm sớ”, rất dũng cảm.

Sớ dâng lên nhưng không được vua trả lời, ông liền “treo mũ ở cửa Huyền Vũ”, rồi từ quan lui về ở ẩn tại núi Phụng Hoàng, làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Ông lấy hiệu là Tiểu Ẩn, nghĩa là người tiểu phu, người kiếm củi ẩn dật. Ông dạy học và viết sách cho tới khi qua đời tại đây.

Mỗi khi có triều hội lớn thì ông liền đến kinh sư. Vua Dụ Tông đem chính sự để trao cho ông, ông từ chối không nhận. Hiến Từ thái hoàng thái hậu liền bảo rằng:

- Ông ta là người không thể nào mà bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta?

Sau đó thì Vua sai nội thân đem quần áo để ban cho ông. Ông lấy tã xong, liền đem cho người khác hết. Thiên hạ đều khen ông là bậc cao thượng.

Đến khi Dụ Tông băng hà, quốc thống suy tụt thì mất. Nghe tin các quan đến để lập vua, ông mừng lắm, chống gậy đến xin bái kiến, xong đó lại xin trở về quê, từ chối không nhận chức gì.

Trở lại Chí Linh, Chu Văn An lúc bấy giờ đã gần 80 tuổi, ông ốm nặng. Tháng 11/1370, ông trút hơi thở cuối cùng năm Thiệu Khánh thứ nhất, đời Trần Nghệ Tông.

2. Sự nghiệp dạy học của Chu Văn An

Vì sao ông đỗ Tiến sĩ mà ông không ra làm quan, lại đi dạy học? Bởi vì ở thời của Chu Văn An lúc bấy giờ, trường học còn rất hiếm.

+ Cả nước chỉ có một trường quốc lập chính là Quốc Tử Giám ở kinh đô thì dành cho con vua, con quan. Sau đó thì mở rộng ra cho những người tài ở trong nhân dân được theo học.

+ Thứ hai là: Tư Thiện Đường, và Toát Trai Đường ở Thiên Trường (Nam Định), thì chỉ dành cho con em tôn thất của nhà Trần.

+ Thứ ba là: Trường Yên Tử (ở Quảng Ninh), hay Hương Sơn (Hà Tây cũ) thì dành riêng cho nhà chùa.

Ông cho rằng trường lớp như vậy quá ít, con em nhân dân phần lớn đều thất học. Cho nên Ông đã mở trường Huỳnh Cung tại quê nhà (tức là ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội ngày nay) để dạy học. Trường có lớp, rồi có thư viện. Đông đảo con em nhân dân có nơi học tập, học trò theo ông học rất đông. Sự nghiệp giáo dục nước nhà được mở rộng hơn trước.

Thời kỳ dạy học ở Huỳnh Cung, Chu Văn An chuyên truyền đạt kinh điển Nho giáo. Chu Văn An là thầy giỏi nhưng ông rất nghiêm khắc, trọng tài năng của học trò và ghét những người cậy giàu ham chơi.

Trong số học trò của ông có nhiều người thành đạt, thi đỗ làm quan to, nhưng khi về thăm thầy vẫn giữ lễ, khi đến thăm thầy thì lạy hỏi ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì cũng lạy làm mừng lắm. Có những học trò cũ không tốt, ông nghiêm khắc quở trách, thậm chí còn quát mắng, không cho gặp.

Chuyện kể rằng, Phạm Sư Mạnh sau khi đỗ đạt làm quan to ở trong triều, đi về làng để thăm thầy. Dọc đường qua khu chợ đang họp, ông ra uy để lính thét dân chúng phải dẹp đường. Chu Văn An biết chuyện, giận Sư Mạnh làm quan mà hách dịch với dân, trái với lời thầy dạy nên không cho gặp. Thế là Phạm Sư Mạnh dầu đã là đại quan triều đình, vẫn phải quỳ gối cả buổi trước cửa nhà thầy để xin thầy tha lỗi. Từ đó về sau, Phạm Sư Mạnh hành xử khiêm nhường, không dám hách dịch nữa.

Ông sau khi về Chí Linh mở trường tiếp tục dạy học. Dù là nơi thâm sâu cùng cốc, nhưng mà số học trò đến với thầy Chu vẫn rất đông. Chí Linh dấy lên phong trào học tập, nhiều người học giỏi nổi tiếng.

Đời nhà Mạc, huyện này có bà Nguyễn Thị Duệ, là nữ tiến sĩ đầu tiên và là duy nhất của Việt Nam thời phong kiến. Ngoài ra còn có Nguyễn Phong, mới 14 tuổi đã cùng cha thi đỗ kỳ thi Hương, 26 tuổi thì đỗ tiến sĩ.

Những ngày dạy học ở Chí Linh, Chu Văn An còn trồng thêm cây thuốc, nghiên cứu y học, và giúp những người dân chữa bệnh. Suốt cuộc đời của mình, ông không lúc nào xao nhãng sự nghiệp giáo dục.

Chu Văn An có ảnh hưởng lớn đối với nền giáo dục Việt Nam. Tư tưởng nổi bật của ông là học tập suốt đời và là tấm gương “tôn sư trọng đạo”.

Trong lịch sử giáo dục nước nhà, ông cũng đã giành được địa vị cao quý bậc nhất, Ông đã vượt qua ngưỡng cửa làm thầy giáo giỏi của một đời, để đạt tới làm thầy giáo giỏi của muôn đời. Cho nên ông được tôn là “Vạn thế sư biểu”, nghĩa là người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.

3. Vinh danh

Sau khi ông mất, vua Trần Nghệ Tông đã dành cho ông một vinh dự lớn nhất đối với một tri thức, là được thờ ở Văn Miếu. Ông được xem ngang hàng với những bậc Thánh Hiền ngày xưa.

Vua còn ban tặng tên thụy cho ông là Văn Trinh, nghĩa là bên ngoài thì thuần nhũ, hiền hòa, còn bên trong thì chính trực, kiên định. Đây là nói thờ vua tất phải thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý.

Lăng mộ và đền thờ Chu Văn An tọa lạc trên núi Phụng Hoàng, thuộc phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Còn đình làng Thanh Liệt là quê hương của ông, thì thờ ông làm Thành Hoàng Làng. Tên tuổi ông được đặt cho nhiều đường phố trên khắp cả Việt Nam, rồi trường học khắp cả nước. Rất nhiều trường lấy tên của ông.

Chúng ta vừa nói về “Danh sư” - là thầy giỏi. Bây giờ chúng ta sẽ chia sẻ tiếp về “Cao đồ” - là trò hay. Thầy giỏi ắt có trò hay mà. Vậy thì ai đã...

4. Chiếu sáng lịch sử của Thầy Chu Văn An

Đó là những học trò nào?

Nói về học trò của Chu Văn An có đủ loại, từ người cho đến quý thân, cảm đức độ học vấn của ông mà đến.

Thứ nhất: Trước hết nói về Phạm Sư Mạnh

Các bạn nghe có quen không ạ? Hà Nội có phố Phạm Sư Mạnh đấy, ở gần chỗ Phan Chu Trinh. Vậy Phạm Sư Mạnh là ai?

Ông tên thật là Phạm Độ, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, nay là xã mang tên ông – chính là xã Phạm Mạnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Khi còn nhỏ đi học, ông nổi tiếng thần đồng. Sau đó lại được thầy Chu Văn An rèn dũa, nên tài thơ văn của ông càng phát triển. Ông là học trò giỏi của thầy giáo Chu Văn An.

Ông cũng đỗ Thái học sinh năm 1323 và được bổ dụng làm quan ngay. Gần 50 năm làm quan dưới ba triều vua Trần Minh Tông, rồi Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông, ông đã đảm nhiệm nhiều trọng trách.

Ông không chỉ là một nhà ngoại giao tài uyên bác, mà ông còn là một nhà thơ lỗi lạc, một nhà quân sự có tài hết lòng phục vụ giang sơn Đại Việt thời triều Trần.

Vào đời Trần Dụ Tông, ông giữ nhiều trọng trách về ngoại giao. Hồi đó, nhà Nguyên sai sứ là Vương Sĩ Hành sang chất vấn về cột đồng. Tương truyền về cột đồng như sau: Mỗ Viện sau khi chinh phục được cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng ở Giao Chỉ vào năm 43, đã cho làm một cây cột đồng lớn, trên trụ đó có khắc sáu chữ Hán: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt” (nghĩa là: Cột đồng gãy, thì Giao Chỉ không còn). Nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi lên thành gò đống cao.

Khi mà nhà Nguyên chất vấn về cột đồng, Trần Dụ Tông không biết phải làm sao, liền vời Phạm Sư Mạnh ra đối đáp. Nhờ uyên thông kinh sử, lại khéo léo mềm mỏng, ông đã biện bác thắng lợi, sứ Nguyên không dám hạch sách nhiều sự nữa.

Lần khác, Phạm Sư Mạnh lại được vua cử đi sứ để biện bạch, giải thoát về chuyến đi sứ này của ông như sau:

Thời đó, kẻ hạ thần mà hễ ai trùng tên với họ hàng nhà vua, thì đều phải đổi. Bản thân ông tên thật là Phạm Độ, trùng với tên của Trần Thủ Độ, vừa là tể tướng Đại Việt, mà vừa là họ hàng nhà vua, nên ông phải đổi là Phạm Sư Mạnh. Nhưng do có tên là Sư Mạnh, nên khi ông đi sứ, nhà Nguyên thử tài ông bằng cách là hỏi nghĩa về sách Mạnh Tử. Phạm Sư Mạnh bèn viết

liền một mạch 7 thiên, tức là trọn bộ sách của Mạnh Tử, khiến vua quan nhà Nguyên vô cùng khâm phục, thôi không dám thử tài về chữ nghĩa ông nữa.

Đến năm 1362, ông được cử giữ chức Tri Khu Mật Viện Sự. Ông đã từng đi kén duyệt quân ở 5 lộ để chấn chỉnh quốc phòng. Ông đã làm tất cả những gì có thể để chăm lo củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh Tổ quốc Đại Việt, dẹp yên giặc giã, dập tắt binh đao.

Với tấm lòng trung quân ái quốc, Phạm Sư Mạnh đã phải lo lắng, nghĩ suy để củng cố miền biên cương của Tổ quốc. Bạc đầu lo việc nước, hình ảnh này xuất hiện nhiều lần trong thơ của Phạm Sư Mạnh.

“Bạc thủ Lạng châu nguy chế trí
Nhất khâm trung xích tắc càn khôn”.

Có Nghĩa là:

“Bạc đầu xếp đặt yên châu Lạng
Đỏ chói lòng trung lấp đất trời”.

Ông là một nhà thơ siêu việt, nhưng cùng chung với số phận nhiều tác phẩm của các tác giả thời đại Lý Trần, thì thơ văn của Phạm Sư Mạnh và Lê Quát bị “thất truyền” và “tam sao thất bản” chắc là không ít.

Ông rất xứng đáng là một tài năng rạng rỡ cho quê hương, đất nước.

Ngày nay thì nhiều làng xã, đường phố mang tên ông. Như là ở TP Hà Nội, ở Hải Dương, đều có phố Phạm Sư Mạnh. Ở thành phố Hải Dương xưa còn có một trường trung học mang tên Phạm Sư Mạnh, có xã Sư Mạnh như là chúng ta vừa mới chia sẻ lúc đầu đây ạ.

Người...

Thứ hai là Lê Quát

Lê Quát (sinh năm 1319 – mất năm 1386), ông là danh sĩ và là quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Quê ông ở làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ông cùng với Phạm Sư Mạnh đều là học trò xuất sắc của Chu Văn An. Ông cũng thi đỗ Thái học sinh. Ông liên tục được thăng lên các chức vụ khác nhau. Đến đời vua Trần Dụ Tông, ông làm đến Thượng thư Hữu Bật nhập nội hành khiển (có nghĩa là quan đứng thứ hai ở trong triều).

Lê Quát làm quan rất được lòng dân. Lê Quát còn là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng. Tiếc rằng, nhiều tác phẩm của ông đều bị thất lạc, chỉ còn lưu lại được rất ít.

Ông ôm hoài bão đóng góp cho giang sơn xã tắc thịnh vượng, cũng đã làm được nhiều điều khi vua Trần Minh Tông còn trị vì. Sau khi vua Trần Minh Tông mất, đến thời vua Trần Dụ Tông, nhà Trần đến hồi suy, nhà Vua đánh sưu cao thuế nặng nhằm có tiền để xây cung điện lầu các, ăn chơi xa xỉ, chỉ trọng dụng nịnh thần. Lê Quát nhiều lần đưa ra các quyết sách nhằm thay đổi, phê phán những tiêu cực, nhưng Vua không chấp nhận, bản thân ông cũng bị trách mắng. Dù Lê Quát làm quan to đầu triều nhưng “tôi hiền” lại không gặp được “Vua sáng”, nhiều điều ông muốn làm nhưng không thực hiện được.

Bài văn bia ở chùa Thiện Phước, Bắc Giang (Hà Bắc), bộc lộ tâm tình của ông. Bài văn viết:

“Đạo Phật lấy họa phúc cảm động người ta, sao được lòng người tin tưởng sâu xa vững chắc như thế? Trên từ các bậc vương công, dưới đến dân chúng, hễ làm việc Phật thì dầu phải khánh tận gia tài cũng không tiếc. Nếu hôm nay được ủy thác trông coi việc làm chùa xây tháp thì hơn hở vui mừng, như thế nắm chắc tả khoán để ngày mai sẽ được báo đáp lại.

Do đó mà từ trong kinh thành, ngoài châu huyện, cho đến làng xa ngõ vắng, hễ có người ắt có chùa, thờ Phật không mệnh lệnh mà có người theo, không minh thế mà có người tin, chùa đổ thì dựng lại, hư hỏng thì sửa sang, lâu dài chiêm trống so với nhà dân cư đã chiếm phân nửa, việc xây dựng rất dễ dàng và sự tôn sùng thật là rộng rãi.

Tôi từ nhỏ đọc sách, chí tâm suy cứu cổ kim, tìm hiểu đạo Thánh Nhân để khai hóa mọi người, mà cho đến nay vẫn chưa được một làng nào tin. Lại từng đi xa xem cảnh núi sông, dấu chân đã in trên nửa phần đất nước, thử tìm nhà học, văn miếu nhưng chưa từng thấy đâu!

Vì thế rất lấy làm thẹn với môn đồ nhà Phật, nên tôi viết bài này, bộc lộ tâm tư để khuyên răn người đời vậy.”

Tên ông được đặt cho các phố ở Hải Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

Về sau con ông là Lê Giác chết vì tiết nghĩa, cũng được lưu danh sử xanh, người đời vinh danh và ca tụng.

Mặc dù không phải là học trò của thầy Chu Văn An, nhưng Lê Giác là hậu duệ của Lê Quát. Đây chính là một vị thầy giỏi, có thể tạo nên anh tài kế tiếp anh tài. Cho nên chúng ta sẽ chia sẻ tiếp về tấm gương của Lê Giác - con trai của Lê Quát ạ.

Thứ ba: Lê Giác

Là con danh sĩ Lê Quát, đỗ Thái học sinh, làm quan trải đến chức Thượng thư Hữu bật nhập nội hành khiển (tức là cũng tương đương với chức Thủ tướng ngày nay).

Đời Trần Duệ Tông, ông làm Ninh phủ sứ Nghệ An. Bấy giờ, Duệ Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Sau đó thì thất trận và bị giết chết. Trần Húc – là con trai của Trần Nghệ Tông thì lại hàng giặc.

Năm Đinh Tỵ 1377, người Chiêm đưa Húc về Nghệ An rồi lập làm vua. Nhiều người theo mệnh lệnh của giặc, chỉ trừ có ông, ông phản kháng quyết liệt, liền dàn quân đóng giữ ở yếu điểm đạo Đại Hoàng.

Vua Chiêm là Chế Bồng Nga tiến đánh, ông sa cơ bị bắt. Vua Chiêm dụ hàng, ông không khuất phục. Giặc bảo ông lạy, ông mắng chửi thẳng vào mặt quân thù:

– Ta là trọng thần nước lớn, há lại đi quỳ lạy ngươi là dân mọi rợ nhỏ sao?

Giặc giết ông chết. Về sau quân dân ta bình định được Chiêm Thành, vua Trần tưởng niệm ông, xưng tặng ông là “Mạ tặc Trung Võ Hầu” (có nghĩa là “Ông hầu trung dũng chửi giặc”), sắc truy phong làm phúc thần, có miếu thờ ở ven sông Đại Hoàng (là khúc sông Hồng chảy qua chỗ tỉnh Hưng Yên và Nam Định, nay là ngã ba Tuần Vương).

Vua Tự Đức cũng có thơ vịnh về Lê Giốc như sau:

*Đời mạt văn tàn võ chẳng trau
Quân thua một trận thật là đau
Chỉ đem tác lười la quân giặc
Để tiếng ngàn thu “Mạ tặc thân”.*

Ở làng Kẻ Rỵ có đền thờ Lê Giốc. Trong đền thờ có đôi câu đối:

*Mạ tặc trung thân thanh vạn đại
Thượng thiên ánh tuyết bạch tam quan.*

Có Nghĩa là:

*Trung thân chửi giặc tiếng lưu vạn đại
Ánh hào quang trên trời vẫn rọi chiếu cửa đền.*

Hôm trước chúng ta mới chia sẻ hai câu thơ của Văn Thiên Tường:

*Xưa nay hỏi có ai không chết?
Hãy để lòng son chiếu sử xanh.*

Thì đây ạ, các vị trung thân, các vị anh hùng của ta: “Ánh hào quang trên trời vẫn rọi chiếu cửa đền”.

Thứ 4. Là người học trò thủy thần của Chu Văn An

Một huyền thoại vẫn được lưu truyền là khi Chu Văn An mở trường dạy học ở quê nhà, có nhiều người học trò tìm đến theo học.

Trong số này có một người sáng nào cũng đến thật sớm để nghe ông giảng. Thầy dạy khen là chăm chỉ, nhưng lại không rõ tông tích ở đâu. Ông bèn cho người đi theo dò, xem thì trò đó cứ đến cái khu Đầm Đại là biến mất. Ông biết đây là thần nước rồi.

Gặp lúc đại hạn kéo dài, giảng bài xong, ông tụ tập các học trò lại, rồi hỏi xem ai có tài có thể làm mưa giúp dân, giúp thầy được chăng? Người học trò kỳ lạ lúc đầu có vẻ ngần ngại, sau đứng ra xin nhận và nói với thầy:

- Con vâng lời thầy là trái lệnh Thiên đình, nhưng con cứ làm để giúp dân. Mai kia nếu có chuyện gì không hay, mong thầy chu toàn cho con.

Sau đó người này ra giữa sân lấy nghiên mài mực, ngửa mặt lên trời khấn và lấy bút thấm vào mực vẩy ra khắp nơi, vẩy gần hết chỗ mực, lại tung ra cả nghiên lẫn bút lên trời. Lập tức mây đen kéo đến, trời đổ mưa một trận rất là lớn.

Đêm hôm ấy có tiếng sét, và đến sáng thì thấy có cây thường luồng nổi lên ở đầm. Ông được tin khóc thương luyến tiếc, rồi sai học trò làm lễ an táng. Nhân dân và các làng lân cận cũng đến giúp sức. Và sau đó nhớ công ơn bèn lập đền thờ, nay vẫn còn dấu vết của mộ thần.

Theo truyền thuyết, chỗ nghiên mực bị ném rơi xuống đã biến thành đầm nước lúc nào cũng đen, nên thành tên là Đầm Mực. Quấn bút vì rơi xuống làng Tả Thanh Oai, biến làng này thành một làng văn học quê hương Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Sĩ v.v...

Đây ạ, tấm gương của vị học trò thủy thần này chính là y giáo phụng hành lời thầy. Dù có phải mất thân mạng cũng quyết hy sinh vì đại chúng. Cho nên là mới được lưu danh sử xanh, mới được dân chúng thờ. Và cho đến tận ngày nay đời chúng ta vẫn còn biết đến, tri ân vị thủy thần này.

Qua đó cũng cảm được đức độ của Chu Văn An lúc đương thời là rất lớn. Không những học trò là người đến rất đông, mà còn có sức mạnh cảm hóa được cả quỷ thần.

Không riêng gì Chu Văn An, tôi còn nghe còn có 2 người nữa là tài đức cảm được cả quỷ thần đến làm học trò.

Người thứ nhất chính là Hòa Thượng Thích Thiên Tâm. Chúng ta có thể xưng danh Ngài là Bồ Tát Thích Thiên Tâm. Ngài tu theo pháp môn Tịnh Độ. Ngài đóng góp rất nhiều các tác phẩm cho nền Phật giáo nước nhà. Ngài biết trước ngày giờ ra đi mấy tháng, an nhiên tự tại vãng sinh.

Từ 1968, thì Hòa Thượng về Lâm Đồng cất chùa tịnh tu. Nơi đây có rất nhiều rắn. Đêm đêm, rắn to bằng bắp chân nằm dưới chân giường, nếu sơ ý sẽ đạp nhầm. Mỗi lần như vậy, Ngài bèn niệm Nam-Mô A-Di-Đà Phật, và bảo:

- Thôi sáng rồi, đạo hữu nên về đi, để Thầy còn niệm Phật.

Và rấn bò đi thật.

Lần khác, Hòa Thượng gặp rấn liền hỏi:

- Có phải đạo hữu vào đây để nghe Kinh, nghe niệm Phật không? Nếu phải thì gặt đầu ba cái.

Rấn làm y lời.

Sau này, khi Hòa Thượng viên tịch, có cặp Kim Xà Vương (là đôi rắn vàng) đến đánh lễ 3 lần ở chỗ mộ Ngài rồi bò đi mất. Theo các môn nhân, đó là cặp vợ chồng rấn đã từng quy y với Hòa Thượng trước kia.

Còn một người nữa ạ. Đây chính là công án Hồ Ly thiền mà tôi được nghe Hòa Thượng giảng.

Thời triều Đường, Đại sư Bá Trượng mỗi ngày giảng kinh thì cứ thấy có một cụ già ngày ngày đến nghe kinh, mặc 1 bộ quần áo trắng, mà ngày nào cũng đến rất chăm chỉ, ông ở sau núi. Người bình thường không biết, nhưng mà Bách trượng thiền sư thì Ngài biết là ông không phải là người, mà như chúng ta thường gọi thì vị này chính là Hồ Tiên.

Có một hôm cụ già này thỉnh giáo với Bách Trượng thiền sư, nói rõ quá trình đọa lạc của bản thân. Đời trước ông ta là một vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp rất hay, nhưng mà khi thính chúng đưa ra cho ông một câu hỏi, ông đã trả lời sai.

Trả lời sai, trái nhân quả nên đọa lạc làm thân hồ ly đã hơn 500 năm rồi. Hiện tại ông không có cách gì thoát khỏi đường súc sanh này, nên ông cầu Bách Trượng thiền sư giúp đỡ. Và cuối cùng thì Đại sư đã dạy cho ông cách hóa giải điều này, ông liền thoát thân Hồ ly.

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục với nội dung thứ hai:

2- Chiều sáng lịch sử thầy giáo với pháp xuất thế gian

Vừa mới nói ở bên trên: Sư trưởng cho bạn huệ mạng. Huệ mạng là muôn đời, nên bạn làm thế nào để chiếu sáng lịch sử của thầy giáo? Y giáo phụng hành, để một đời này bạn có thể liễu sinh tử thoát luân hồi, là bạn đã làm được “Hiếu thân tôn sư” một cách viên mãn.

Tiến sĩ Thái cũng đã thành danh đạo đức học vấn của mình. Thầy đã dạy cho chúng ta bộ *Đệ Tử Quy* hay đến như thế. Và như Hòa Thượng nói là: “Tiến sĩ Thái mặc dù không gần tôi, nhưng mà Tiến sĩ Thái nghe các bài giảng của tôi và y giáo phụng hành nên Tiến sĩ Thái thành tựu. Còn rất nhiều người gần tôi, nhưng không thành tựu”.

Tôi thì cũng không biết là Tiến sĩ Thái đã thành tựu đến mức độ nào, nhưng mà có một mức độ cao hơn và chắc chắn đã thành Thánh thành Hiền, đó là ai? Chính là tấm gương của Hòa Thượng. Vì sao biết? Ngài đã đạt được “*Sinh tử tự tại*”, muốn đi lúc nào thì đi. Cho nên hôm gần đây, chúng ta cũng đã biết Ngài định vãng sinh, nhưng sau đó các đồng tu đã thỉnh Ngài thường trụ thế gian, muốn xây dựng trường học trọn con rồng từ mẫu giáo đến Đại học tại Đài Loan và Úc Châu của Ngài để mà cầu thỉnh Ngài.

Đây chính là văn hóa truyền thống Trung Hoa, từ 3 cái gốc Nho – Thích – Đạo. Nhà Nho lấy *Đệ Tử Quy* làm căn bản cho việc học tập; Đạo giáo thì lấy *Thái Thượng Cầm Ứng Thiên*; Phật giáo thì dùng việc tu *Thập Thiện Nghiệp Đạo* - làm 3 cái gốc.

Vì sao mà Hòa Thượng lại có thể thành tựu?

Hòa Thượng có kể về ba người thầy của Hòa Thượng. Đó là Giáo sư *Phương Đông Mỹ*, *Đại Sư Chương Gia*, và *Lão cư sĩ Lý Bình Nam*. Cả ba người thầy này đều đối với Hòa Thượng rất tốt. Còn Hòa Thượng thì đối lại với thầy như thế nào?

“Tôi được ân đức giáo huấn của thầy rất to lớn, tâm tôi mỗi niệm báo ân đối với thầy mạnh hơn rất nhiều so với những người khác. Tôi cũng chân thật được lợi ích, đó là tôi thật biết nghe lời, chân thật hợp tác với thầy”.

Thậm chí với người thầy thứ 2 là *Đại sư Chương Gia*, sau khi Ngài viên tịch, Hòa Thượng ở nơi hỏa thiêu Ngài, dựng lên một cái lều nhỏ, ở đó ba ngày ba đêm, ở nơi đó mà tư duy xem lão sư đã dạy mình ba năm rốt cuộc

là dạy những gì, để ở ngay nơi đó mà học tập. Đây chính là y giáo phụng hành.

Chúng ta muốn thành tựu hãy học tập Hòa Thượng nhé: Chiếu sáng lịch sử của thầy giáo bằng sự y giáo phụng hành.

[Vâng ạ, thời gian đã hết, bài học của chúng ta tạm dừng ở đây.

Ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục chia sẻ đến ý thứ 7: Chiếu sáng lịch sử của tổ tông, là kế thừa tuyệt học của Thánh Hiền.

Chúc bạn:

*Thuộc lòng Đệ Tử Quy
Hành đúng từng câu chữ
Nội hóa tâm cung kính
Là bạn được thân người.*

Xin chào và hẹn gặp lại các bạn vào ngày mai – xin cảm ơn!]
